BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Địa lý học **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**31**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng(*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					Học tập trung năm I - HK3
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		
IV. Giáo dục thể chất (*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		3
4.2. Học phần thể chất tự chọn			1						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		4
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		4
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		4
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		4
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		4
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		4
13	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4306		4
V. Đại cương chung			**17**						
14	GT4500	Nhập môn nghề nghiệp	1	15					1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
16	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45					1
17	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					2
18	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
19	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		2
20	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		4
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**5**						
22	GE4003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30					2
23	GT4056	Địa lí tự nhiên đại cương	3	45					2
II. Kiến thức cơ sở ngành			**32**						
2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			**28**						
24	VI4134	Tổng quan du lịch	2	30					2
25	GT4026	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	3	45					2
26	GT4027	Địa lí tự nhiên thế giới	3	45			GO4145		3
27	GT4049	Địa lí tôn giáo	2	30					7
28	GT4028	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới	3	45			GT4026		3
29	GT4050	Địa lí tự nhiên Việt Nam 1	2	30			GT4027		3
30	GT4051	Địa lí tự nhiên Việt Nam 2	2	30			GT4050		4
31	GT4052	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 1	2	30			GT4028		4
32	GT4053	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 2	2	30			GT4052		5
33	GT4040	PP nghiên cứu khoa học Địa lí du lịch	2	30					4
34	GT4054	Pháp luật du lịch	2	30					5
35	GT4032	Ứng dụng GIS và bản đồ du lịch	3	20	50				6
2.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (chọn ít nhất 04 tín chỉ)			**4**						
36	GT4057	Quản trị nhà hàng, khách sạn	2	30					6
37	GE4057	Văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long	2	30					7
38	GT4058	Di tích lịch sử và thắng cảnh Việt Nam	2	30					6
39	GT4034	Địa lí biển đảo Việt Nam	2	30					7
III. Kiến thức chuyên ngành			**45**						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**36**						
40	GT4035	Địa lí du lịch Việt Nam	3	45					6
41	GT4124	Địa lí du lịch thế giới	2	30					5
42	GT4059	Tâm lý khách du lịch	2	30					2
43	GT4060	Kỹ năng mềm trong du lịch	2		60				7

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
44	GT4061	Tuyến điểm du lịch	3	30	30				3
45	GT4062	Hoạt náo trong du lịch	2	15	30				4
46	GT4037	Thiết kế và tổ chức tour	2	20	20				3
47	GT4062	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	30	30				3
48	VI4018N	Tổ chức sự kiện	2	30					6
49	GT4039	Quản trị lữ hành	3	45					4
50	GT4063	Marketing du lịch	2	30					7
51	GT4048	Phương pháp dạy học Địa lý du lịch	2	30					4
52	GT4402	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	2		60	GT4048			5
53	GT4403	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2	2		60	GT4402			6
54	GT4042	Ngoại ngữ chuyên ngành Địa lí du lịch 1	2	15	30				6
55	GT4043	Ngoại ngữ chuyên ngành Địa lí du lịch 2	2	15	30		GT4042		7
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**9**						
56	GT4045	Phát triển du lịch bền vững	3	45					6
57	GT4064	Kinh tế du lịch	3	45					5
58	GT4065	Nghiệp vụ lễ tân	3	15	60				5
59	GT4125	Nghiệp vụ buồng, phòng	3	15	60				5
60	GT4066	Nghiệp vụ nhà hàng	3	15	60				6
IV. Khối kiến thức tập nghề nghiệp			**16**						
61	GT4410	Thực địa Địa lí du lịch 1	2	5	50				5
62	GT4411	Thực địa Địa lí du lịch 2	2	5	50				6
63	GT4055	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3		90				4
64	GT4491	Thực tập cơ sở	3		90				7
65	GT4407	Thực tập tốt nghiệp	6		180				8
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			**6**						
5.1. Khóa luận tốt nghiệp			6						
66	GT4297	Khóa luận tốt nghiệp	6		180		GT4040		8
5.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			**6**						
67	GT4067	Quy hoạch du lịch	2	30					8
68	GT4068	Các loại hình du lịch hiện đại	2	30					8
69	GO4004N	Địa danh học và địa danh Việt Nam	2	30					8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**135**						
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			121						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			107						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			14						